TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/6/2019.
V/v tranh chấp -Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy.

2. Ông Tô Ngọc Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới**.**

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà*:** Không tham gia.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình " Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm H - sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt.

Cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D– sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bảng tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm H trình bày: Chị và anh D do mai mối tiến tới hôn nhân sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sống không hạnh phúc, nên vợ chồng không còn chung sống

khoảng 01 năm, nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với chồng là Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/7/2006, nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 29/6/2018. Hiện chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Trần Thị Cẩm H kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân là do quen biết, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ bỏ đi từ tháng 4/2018 nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Hiện vẫn còn thương vợ và con, yêu cầu Tòa án cho vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 29/6/2018 hiện vợ đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn yêu cầu được nuôi con tên Như N, sinh ngày 29/6/2018, đồng ý để vợ nuôi con tên Kiều T, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, anh D có nới cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị H. Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về nội dung

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên vợ chồng không còn chung sống khoảng 01 năm. Trong quá trình giải quyết anh D có xin cho vợ chồng hàn gắn nhưng anh D không đến gặp chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy anh D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Căn

cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2].Về quan hệ con chung: Vợ chồng có Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 29/6/2018 hiện đang sống chung với Chị H. Do cháu Kiều T trên 07 tuổi Tòa án có hỏi ý kiến, nguyện vọng cháu là muốn được sinh sống với Chị H, cháu Như dưới 36 tháng tuổi hiện chị H đang nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định; Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh D phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định mỗi tháng mỗi cháu 700.000đ cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Trần Thị Cẩm H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].Về tài sản: Không có.

[2.4].Về nợ chung: Ghi nhận Chị H, anh D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.5]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 08/4/2009 không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung:

Chị Trần Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/7/2006, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 29/6/2018, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 700.000đ hai cháu là 1.400.000đ/tháng.

Chị Trần Thị Cẩm H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận Chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0012514 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã M , h. C, An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Bình